

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HỒNG AN



PHỤ LỤC 1A

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các tổ dân phố
trên địa bàn phường tính đến ngày 20/5/2026**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

STT	Tên tổ dân phố	Quy mô tổ dân phố						Số người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)				
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	Tổng	15.154		57.475	2.778,1		106	336		
1	Tổ dân phố 01	235	42,73	1.034	12,5		3	8		
2	Tổ dân phố 02	295	53,64	1.289	6,9		3	9		
3	Tổ dân phố 03	342	62,18	1.458	14,3		3	8		
4	Tổ dân phố 04	331	60,18	1.575	18,0		3	8		
5	Tổ dân phố 05	251	45,64	1.093	1,5		3	8		
6	Tổ dân phố 06	265	48,18	1.157	3,9		3	8		
7	Tổ dân phố 07	260	47,27	1.088	41,9		3	6		
8	Tổ dân phố 08	105	19,09	398	77,3		3	7		
9	Tổ dân phố 09	305	55,45	1.254	33,8		3	8		
10	Tổ dân phố 10	233	42,36	1.099	37,5		3	8		
11	Tổ dân phố Ngô Hùng	459	83,45	1.603	99,4		3	8		
12	Tổ dân phố Ngô Yên	400	72,73	1.491	75,3		3	9		
13	Tổ dân phố Phạm Dũng	342	62,18	1.291	94,4		2	7		
14	Tổ dân phố Khánh Thịnh	371	67,45	1.352	208,3		3	9		
15	Tổ dân phố Lê Lạc 1	425	77,27	1.687	28,8		2	9		

STT	Tên tổ dân phố	Quy mô tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	Tổ dân phố Lê Lác 2	376	68,36	1.386	44,2		3	7	
17	Tổ dân phố Thuận Ty	443	80,55	1.684	32,4		3	9	
18	Tổ dân phố Lê Sáng	484	88,00	1.691	130,9		3	9	
19	Tổ dân phố Tắt Xúng	388	70,55	1.374	103,0		3	9	
20	Tổ dân phố An Phong	305	55,45	1.077	24,4		2	10	
21	Tổ dân phố Đồng Hai	483	87,82	1.708	88,7		3	10	
22	Tổ dân phố Đoài	326	59,27	1.198	134,9		3	8	
23	Tổ dân phố Bắc	275	50,00	970	18,6		2	8	
24	Tổ dân phố Hạ	536	97,45	2.269	37,3		3	9	
25	Tổ dân phố Thượng	289	52,55	1.094	11,8		3	9	
26	Tổ dân phố Nam Hòa	402	73,09	1.465	195,9		2	9	
27	Tổ dân phố Nam Bình	275	50,00	991	23,0		2	10	
28	Tổ dân phố Thăng Lợi	504	91,64	1.847	69,4		3	8	
29	Tổ dân phố Vụ Nông	714	129,82	2.637	87,4		3	10	
30	Tổ dân phố Xuyên Đông	512	93,09	1.878	25,3		3	11	
31	Tổ dân phố An Phú	430	78,18	1.306	14,4		3	9	
32	Tổ dân phố Tiên Nông	737	134,00	2.951	86,4		2	10	
33	Tổ dân phố Lục Nông	495	90,00	1.961	96,4		3	11	
34	Tổ dân phố Trại Kênh	423	76,91	1.534	135,9		3	10	
35	Tổ dân phố Đại Đông	402	73,09	1.369	132,3		3	9	
36	Tổ dân phố Tân Thanh	659	119,82	2.352	161,4		3	11	
37	Tổ dân phố Văn Tiến	542	98,55	1.982	130,6		3	10	
38	Tổ dân phố Lê Xá	535	97,27	1.882	239,7		2	10	



PHỤ LỤC 1B

**Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình
tổ dân phố trên địa bàn phường**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

TT	Tên tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số tổ dân phố hiện có				Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình					
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	TDP Số 01	235	1.034	35	1	x					
2	TDP Số 02	295	1.289	56	1		x				
3	TDP Số 03	342	1.458	21	1		x				
4	TDP Số 04	331	1.575	81	1		x				
5	TDP Số 05	251	1.093	30	1	x					
6	TDP Số 06	265	1.157	32	1	x					
7	TDP Số 07	260	1.088	82	1	x					
8	TDP Số 08	105	398	7	1	x					
9	TDP Số 09	305	1.254	42	1		x				
10	TDP Số 10	233	1.099	43	1	x					
11	TDP Ngô Hùng	459	1.603	32	1			x			
12	TDP Ngô Yên	400	1.491	32	1			x		12 đ/c đảng viên chuyển về TDP SONG MAI	
13	TDP Phạm Dũng	342	1.291	40	1		x				
14	TDP Khánh Thịnh	371	1.352	42	1		x				
15	TDP Lê Lác 1	425	1.687	37	1			x		01 đ/c đảng viên chuyển về TDP SONG MAI	
16	TDP Lê Lác 2	376	1.386	42	1		x			10 đ/c đảng viên chuyển về TDP MINH TÂN	
17	TDP Thuần Ty	443	1.684	22	1			x			
18	TDP Lê Sáng	484	1.691	37	1			x			





Faint, illegible text or markings on the right side of the page, possibly bleed-through from the reverse side.

TT	Tên tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số tổ dân phố hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
19	TDP Tất Xứng	388	1.374	30	1			x		
20	TDP An Phong	305	1.077	22	1		x			
21	TDP Đồng Hải	483	1.708	27	1			x		
22	TDP Đoài	326	1.198	18	1		x			
23	TDP Bắc	275	970	14	1		x			
24	TDP Hạ	536	2.269	29	1			x		
25	TDP Thượng	289	1.094	24	1		x			
26	TDP Nam Hòa	402	1.465	60	1			x		
27	TDP Nam Bình	275	991	20	1		x			
28	TDP Thắng Lợi	504	1.847	37	1			x		
29	TDP Vụ Nông	714	2.637	46	1				x	
30	TDP Xuyên Đông	512	1.878	36	1			x		
31	TDP An Phú	430	1.306	33	1			x		
32	TDP Tiên Nông	737	2.951	68	1				x	
33	TDP Lục Nông	495	1.961	27	1			x		
34	TDP Trại Kênh	423	1.534	14	1			x		
35	TDP Đại Đồng	402	1.369	21	1			x		
36	TDP Tân Thanh	659	2.352	51	1				x	
37	TDP Văn Tiến	542	1.982	28	1			x		
38	TDP Lê Xá	535	1.882	27	1			x		
Tổng		15.154	57.475	1345	38	6	12	17	3	





PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của tổ dân phố trên địa bàn phường Hồng An

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

TT	Tên địa phương	Số lượng tổ dân phố	Các tổ chức tại tổ dân phố										So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	Ghi chú								
			Trước khi sắp xếp tổ dân phố					Sau khi sắp xếp tổ dân phố														
			Trong đó																			
			Tổng số	Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi)	Tổng số	Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23
1	Phường Hồng An	38	304	38	38	38	38	38	38	0	76	128	16	16	16	16	16	16	0	32	-176	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HỒNG AN**



PHỤ LỤC 3A
Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố trên địa bàn phường Hồng An

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo			Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định	
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Đại học	Cao đẳng, trung cấp		Dưới trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	TDP Số 1														
1	NGUYỄN THANH SON	13/12/1966		1	Bí thư chi bộ	1,6			1				1		1
2	VŨ ĐỨC ĐỊNH	10/5/1958		1	Tổ trưởng TDP	1,6				1				1	1
3	PHẠM MINH ĐỨC	30/5/1963		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1		1			1
II	TDP Số 2														
4	ĐỖ XUÂN HÒA	16/11/1954		1	Bí thư chi bộ	1,6				1			1		1
5	NGUYỄN VĂN UYÊN	12/10/1963		1	Tổ trưởng TDP	1,6				1		1			1
6	CHU ĐỨC TÂN	29/07/1957		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1			1		1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	ĐÀO VĂN KHOA	06/7/1965		1	Bí thư chi bộ	1,6				1				1	1
17	PHẠM VĂN THUẬN	15/02/1956		1	Tổ trưởng TDP	1,6				1			1		1
18	NGUYỄN ĐỨC KHÔI	19/04/1946		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1			1		1
VI	TDP Số 7														
19	ĐÀO THỊ AN	02/02/1961	1	1	Bí thư chi bộ	1,6				1			1		1
20	HÀ HUY NHẪNG	13/5/1959		1	Tổ trưởng TDP	1,6				1			1		1
21	VŨ THANH KHÔI	02/02/1948		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1			1		1
VIII	TDP Số 8														
22	LƯƠNG DUY NGHĨA	28/9/1979		1	Bí thư chi bộ	1,6		1					1		
23	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	25/3/1971	1	1	Tổ trưởng TDP	1,6			1						
24	NGUYỄN THỊ ĐUA	10/10/1957	1		Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1			1		1
IX	TDP Số 9														
25	ĐẶNG MINH THÀNH	05/4/1959		1	Bí thư chi bộ	1,6				1			1		1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo			Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
26	BÙI VĂN HUY	13/4/1957		1	Tổ trưởng TDP	1,6				1			1		1
27	PHẠM THỊ LIÊN	15/7/1960	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1		1			1
X	TDP Số 10														
28	PHẠM VĂN PHÁT	20/06/1961		1	Bí thư chi bộ	1,6				1			1		1
29	BÙI ANH NGHỆ	09/11/1958		1	Tổ trưởng TDP	1,6				1		1			1
30	ĐÀO THỊ NGÂN	28/12/1979	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3		1				1			
XI	TDP Ngô Hùng														
31	LÊ VĂN VIỆT	15/10/1959		1	Bí thư chi bộ	1,6				1					1
32	PHẠM THỊ MAO	15/5/1961	1	1	Tổ trưởng TDP	1,6				1					1
33	LƯU THỊ OANH	04/10/1990	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3	1						1		
XII	TDP Ngô Yến														
34	HOÀNG VĂN BÌNH	30/10/1968		1	Bí thư chi bộ	1,6			1						1
35	NGUYỄN THỊ VINH	27/4/1956	1	1	Tổ trưởng TDP	1,6				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	DH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
36	DƯƠNG QUANG NHÀN	28/12/1953		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1				1	1	
XIII	TDP Phạm Dũng															
37	LÂM HỒNG DIỄN	28/05/1965		1	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	1,6				1				1	1	
38	LÊ THỊ NỖ	0/10/1955	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1				1	1	
XIV	TDP Khánh Thịnh															
39	TRẦN VĂN THIỆP	20/10/1962		1	Bí thư chi bộ	1,6				1					1	
40	NGUYỄN VĂN TÂM	27/03/1953			Tổ trưởng TDP	1,6				1			1		1	
42	TRƯƠNG THỊ LAN	20/5/1957	1		Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1				1	1	
XV	TDP Lê Lác 1															
42	DINH THỊ GIANG	22/10/1960	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	1,6				1				1	1	
43	MAI THỊ TUYẾT	29/08/1960	1		Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1				1	1	
XVI	TDP Lê Lác 2															
44	TRƯƠNG VĂN HẬU	10/05/1967		1	Bí thư chi bộ	1,6			1					1	1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
64	TRỊNH VĂN THỊ	10/8/1963		1	Bí thư chi bộ Kiểm Toán TDP	1,6				1		1			1	
65	LƯU BÌNH TUYNH	05/3/1947		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1			1		1	
XXIV	TDP Hạ															
66	PHẠM VĂN HẢI	07/7/1966		1	Bí thư chi bộ	2,1			1					1		
67	LÊ VĂN HỌC	07/8/1968		1	Tổ trưởng TDP	2,1			1					1		
68	LÊ THỊ GÁI	25/8/1957	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1			1		1	
XXV	TDP Thượng															
69	LÊ THỊ NGÀI	31/8/1965	1	1	Bí thư chi bộ	1,6				1		1			1	
70	LÊ VĂN MINH	10/12/1960		1	Tổ trưởng TDP	1,6				1					1	
71	DƯƠNG THU HƯƠNG	13/01/1961	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1	1				1	
XXVI	TDP Nam Hòa															
72	PHẠM VĂN MÃO	14/02/1963		1	Bí thư chi bộ Kiểm Toán Ban CTMT	1,6				1		1			1	
73	NGUYỄN VĂN SƠN	10/13/1960		1	Tổ trưởng TDP	1,6				1				1	1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
XXVII	TDP Nam Bình															
74	LƯU VĂN NGHIÊM	10/01/1967		1	Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng TDP	1,6			1					1		
75	Nguyễn Thị Thủy	08/09/1968	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3			1				1			
XXVIII	TDP Thăng Lợi															
76	PHẠM VĂN VIỆT	27/02/1966		1	Bí thư chi bộ	2,1			1					1		
77	VŨ VĂN THOÀN	03/9/1973		1	Tổ trưởng TDP	2,1			1					1		
78	LÊ THỊ HÂN	14/9/1963	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1		1			1	
XXIV	TDP Vụ Nông															
79	PHẠM THỊ HƯỜNG	24/09/1963	1	1	Bí thư chi bộ	2,1				1				1		
80	NGUYỄN SỸ TRỌNG	28/12/1962		1	Tổ trưởng TDP	2,1				1			1		1	
81	PHẠM THẾ PHƯƠNG	15/03/1950		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1	1	
XXX	TDP Xuyên Đông															
82	PHẠM THỊ KIM	17/10/1969	1	1	Bí thư chi bộ	2,1			1				1			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
83	PHẠM THANH MIỆN	09/02/1949		1	Tổ trưởng TDP	2,1				1			1		1		
84	NGUYỄN ĐÌNH ĐĨA	11/04/1952		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1	1		
XXXI	TDP Đại Đồng																
85	ĐÀO VIỆT DŨNG	06/6/1962		1	Bí thư chi bộ	1,6				1				1	1		
86	ĐÀO VĂN LUYỆN	01/01/1958			Tổ trưởng TDP	1,6				1				1	1		
87	NGUYỄN HOÀNG HÙNG	24/4/1964		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1				1	1		
XXXII	TDP Tân Thanh																
88	NGUYỄN MINH HIẾU	04/7/1987		1	Bí thư chi bộ	2,1	1					1					
89	HOÀNG VĂN KHÁ	13/11/1966		1	Tổ trưởng TDP	2,1			1					1			
90	BÙI THỊ THIÊM	01/02/1962	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1	1		
XXXIII	TDP An Phú																
91	PHẠM TRUNG HIẾU	24/4/1979		1	Bí thư chi bộ	1,6		1						1			
92	NGUYỄN THỊ TÍNH	18/6/1957	1	1	Tổ trưởng TDP	1,6				1				1	1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Tên DH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
102	MAI VĂN BÌNH	08/6/1967		1	Bí thư chi bộ	2,1			1					1	
103	NGUYỄN VĂN VỸ	20/6/1949		1	Tổ trưởng TDP	2,1				1				1	1
104	NGUYỄN THỊ VÂN	11/10/1956	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1	1
XXXVIII	TDP Lê Xá														
105	NGUYỄN BÌNH THÔNG	10/11/1962		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban CTMT	2,1				1				1	1
106	LÊ THỊ MINH	06/9/1955	1	1	Tổ trưởng TDP	2,1				1				1	1
	Tổng số: 106 người		37	97		171,3	5	3	21	77	1	23	37	45	83



PHỤ LỤC 3B
Đanh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố trên địa bàn phường Hồng An

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
I	TDP Số 1																
1	Vũ Hồng Luân	1959			Tổ phó TDP	0,9				1				1	1		
2	Vũ Thị Việt	1960	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,3				1				1	1		
3	Lê Thị Liên	1950	1	1	Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1		
4	Nguyễn Thanh Sơn	1966		1	Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
5	Vũ Kim Ngân	2004	1	1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
II	TDP Số 2																
6	Phạm Văn Giáp	1960		1	Tổ phó TDP	0,9				1				1	1		
7	Nguyễn Thị Hiền	1952	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,3				1				1	1		
8	Nguyễn Thị Thu Trà	1967	1	1	Chi hội trưởng Nông dân	0,3			1					1			



Faint, illegible text, possibly bleed-through from the reverse side of the page.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
9	Lê Văn Khôi	1965		1	Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1	
10	Nguyễn Thị Lê Uyên	2003	1		Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1				
11	Bùi Thị Nga	1981	1	1	CTV Dân số	0,3		1						1		
III TDP Số 3																
12	Đỗ Thị Nguyễn	1956	1	1	Tổ phó TDP kiêm Phụ nữ	1,2				1				1	1	
13	Mai Đình Cường	1953			Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1	
14	Nguyễn Văn Hạnh	1957			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1	
15	Nguyễn Thị Minh Phương	1992	1	1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1				
16	Đỗ Thị Tuyền	1964			CTV Dân số	0,3				1				1	1	
IV TDP Số 4																
17	Lê Thị Bé	1954	1	1	Tổ phó TDP kiêm Nông dân	1,2				1				1	1	
18	Nguyễn Thị Thúy	1952	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3				1				1	1	
19	Trần Văn Cách	1955		1	Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1	
20	Phạm Nhật Thịnh	1999		1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1				

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
21	Châu Thị Nhẫn	1956	1	1	CTV Dân số	0,3				1				1	1
V	TDP Số 5														
22	Đặng Văn Hưng	1962		1	Tổ phó TDP	0,9				1				1	1
23	Hoàng Thị Huyền	1974	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3			1					1	
24	Lê Thị Nhuận	1958	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1
25	Nguyễn Thị Nhân	1962	1	1	Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1
26	Tạ Thị Thu Hương	1999	1	1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1			
VI	TDP Số 6														
27	Phạm Văn Dân	1964			Tổ phó TDP	0,9				1				1	1
28	Nguyễn Thị Kim Hương	1976	1	1	Chi hội trưởng PN kiêm DS	0,6			1					1	
29	Lê Thị Quyên	1960	1	1	Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1
30	Vũ Minh Quang	1959		1	Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1
31	Đoàn Chu Hải An	2002	1	1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1			
VI	TDP Số 7														
32	Lê Văn Xứng	1958		1	Tổ phó TDP kiêm CCB	1,2				1				1	1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
45	Phạm Thành Dự	1956		1	Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1		
46	Nguyễn Văn Phương	1953			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
47	Nguyễn Thị Thảo	1987	1	1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1							1			
48	Phạm Thị Dân	1962	1		CTV Dân số	0,3				1				1	1		
XI	TDP Ngô Hùng																
49	Lưu Thị Oanh	1990	1	1	Tổ phó TDP	0,9	1						1				
50	Bùi Thị Thanh	1956	1		Chi hội trưởng PN kiêm DS	0,6				1				1	1		
51	Hà Thị Tân	1949	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1		
52	Nguyễn Xuân Cường	1950			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
53	Đinh Văn Bộ	1996		1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
XII	TDP Ngô Yên																
54	Đinh Văn Tiến	1976		1	Tổ phó TDP	0,9			1					1			
55	Lê Thị Xoan	1957	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3				1				1	1		
56	Bùi Thị Bình	1957	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
69	Nguyễn Thị Tố Uyên	1983	1	1	CTV Dân số	0,3			1					1			
XV	TDP Lê Lác 1																
70	Phạm Thúy Diễm	1976	1	1	Tổ phó TDP	0,9				1			1				
71	Mai Thị Tuyết	1960	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3				1				1		1	
72	Trần Thị Hòa	1955	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1		1	
73	Nguyễn Văn Chiến	1952			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1		1	
74	Phạm Ngọc Anh	2000		1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1						1				
75	Ngô Thị Cảnh	1955	1		CTV Dân số	0,3				1				1		1	
XVI	TDP Lê Lác 2																
76	Nguyễn Thị Thực	1958	1	1	Tổ phó TDP kiêm PN, DS	1,2				1				1		1	
77	Ngô Thị Chiến	1953	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1		1	
78	Vũ Trọng Kỳ	1949			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1		1	
79	Trương Văn Tuyển	1993		1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1							1			
XVII	TDP Thuần Tỳ																
80	Chu Thị Nhung	1989	1	1	Tổ phó TDP	0,9	1						1				

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
81	Nguyễn Thị Vi	1956	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3				1				1	1	
82	Đào Thị Chung	1957	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1	
83	Hoàng Ngọc Thạch	1957			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1	
84	Chu Đức Cường	1998		1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1				
85	Nguyễn Thị Thảo	1979	1		CTV Dân số	0,3		1						1		
XVIII	TDP Lê Sáng															
86	Nguyễn Văn Duyên	1960		1	Tổ phó TDP	0,9				1				1	1	
87	Trình Thị Huệ	1966	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3			1					1		
88	Phạm Thị Mỹ	1951	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1	
89	Lê Trường Cát	1949			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1	
90	Nguyễn Việt Hoàng	2000		1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1				
91	Nguyễn Thị Miên	1990	1		CTV Dân số	0,3	1							1		
XIX	TDP Tất Xứng															
92	Trần Thị Thu Hà	1974	1	1	Tổ phó TDP	0,9			1					1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Từ 60 tuổi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
93	Nguyễn Thị Hạnh	1974	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3			1					1			
94	Nguyễn Thị Liên	1959	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1		
95	Phạm Minh Tân	1951			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
96	Vũ Văn Thắng	2001		1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1							1			
97	Phạm Thị Thu Hiền	1977	1	1	CTV Dân số	0,3		1					1				
XX	TDP An Phong																
98	Mai Ích Xa	1960			Tổ phó TDP	0,9				1				1	1		
99	Ngô Thị Phần	1970	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3			1					1			
100	Trần Quang Luyện	1982			Chi hội trưởng Nông dân	0,3		1						1			
101	Lâm Quang Như	1953			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
102	Lâm Thị Thùy Linh	1992	1		Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
103	Nguyễn Thị Hương	1957	1		CTV Dân số	0,3				1				1	1		
XXI	TDP Đồng Hải																
104	Nguyễn Thị Hoa	1958	1		Tổ phó TDP	0,9				1				1	1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
XXVI	TDP Nam Hòa																
129	Đinh Thị Tơ	1955	1		Tổ phó TDP kiêm DS	1,2				1				1	1		
130	Phạm Thị Hằng	1976	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3			1					1			
131	Bùi Thị Vân	1956	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1			1		1		
132	Đinh Văn Thương	1955			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
133	Đào Thị Hoa	1991	1		Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
XXVII	TDP Nam Bình																
134	Đặng Văn Tuyền	1966			Tổ phó TDP	0,9			1					1			
135	Nguyễn Thị Thủy	1968	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3			1					1			
136	Đặng Thị Liên	1949	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1		
137	Trần Văn Hiến	1975			Chi hội trưởng CCB	0,3			1					1			
138	Nguyễn Thị Phương Thảo	2002	1		Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
139	Nguyễn Thị Thê	1958	1		CTV Dân số	0,3				1				1	1		
XXVIII	TDP Thắng Lợi																
140	Le Thị Sương	1961	1		Tổ phó TDP	1,0				1				1	1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
141	Nguyễn Thị Nga	1960	1		Chi hội trưởng Phụ nữ kiêm DS	0,6				1				1	1		
142	Lương Thị Hiền	1987	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3	1							1			
143	Nguyễn Hữu Mai	1950			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
144	Phạm Thu Trang	2001			Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
XXVIV	TDP Vụ Nông																
145	Trình Thị Xuân	1959	1		Tổ phó TDP kiêm PN	1,3				1				1	1		
146	Phạm Thị Lý	1963	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1		
147	Phạm Thế Phương	1950		1	Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
148	Bùi Minh Sáng	2000			Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
149	Nguyễn Thị Ngọc	1962	1		CTV Dân số	0,3				1				1	1		
XXX	TDP Xuyên Đông																
150	Trần Thị Thoa	1985	1	1	Tổ phó TDP	1,0			1					1			
151	Bùi Thị Thủy	1974	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3				1				1			
152	Phạm Thế Dương	1968			Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
153	Bùi Văn Tam	1954			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
154	Trần Hoài Lam	1997			Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
155	Phạm Thị Thanh Mai	1965	1		CTV Dân số	0,3				1				1	1		
XXXI	TDP Đại Đồng																
156	Hoàng Thị Tươi	1960	1		Tổ phó TDP kiêm PN	1,2				1				1	1		
157	Ngô Văn Sơn	1954			Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1		
158	Đào Văn Luyện	1958			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		
159	Bùi Nguyễn Cẩm Tú	2006	1		Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1					
160	Nguyễn Thị Liên	1962	1		CTV Dân số	0,3				1				1	1		
XXXII	TDP Tân Thanh																
161	Lê Quang Trọng	1953		1	Tổ phó TDP	1,0				1				1	1		
162	Nguyễn Thị Nghĩa	1964	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0,3				1				1	1		
163	Hoàng Minh Tiến	1966			Chi hội trưởng Nông dân	0,3			1					1	1		
164	Dương Văn Ái	1959			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên DH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1		3	4	5		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
189	Đào Thị Tấp	1959	1		Tổ phó TDP kiêm PN	1,3				1				1	1	
190	Phạm Văn Thanh	1960			Chi hội trưởng Nông dân	0,3				1				1	1	
191	Mai Văn Tình	1967			Chi hội trưởng CCB	0,3			1					1		
192	Vũ Văn Huy	1993		1	Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1				
193	Phạm Thị Sỹ	1963	1		CTV Dân số	0,3				1				1	1	
XXXVIII		TDP Lê Xá														
194	Vũ Thị Hoa	1960	1		Tổ phó TDP kiêm PN	1,3				1				1	1	
195	Phạm Thị Hợp	1967	1		Chi hội trưởng Nông dân	0,3			1					1		
196	Bùi Văn Sức	1964			Chi hội trưởng CCB	0,3				1				1	1	
197	Bùi Tiến Lộc	2001	1		Bí thư Đoàn TN	0,3	1					1				
198	Nguyễn Thị Thúc	1959	1		CTV Dân số	0,3				1				1	1	
		Tổng số: 198 người				85,63	44	10	31	113	0	35	6	157	114	



PHỤ LỤC 4
Phương án sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố trên địa bàn phường Hồng An
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

TT	Tên tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sắp nhập	
1	Tổ dân phố Số 10	233	1.099	37,5	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP số 10 + TDP số 09 + TDP số 08 và 1/3 TDP số 4 (tiếp giáp phía Tây TDP số 9) để thành lập TDP HƯƠNG SON (Các TDP để xuất ghép từ tên TDP Đông Hương và TDP Trúc Sơn thuộc phường Quán Toan cũ)	15.154	57.475	2.778,1	0 Nhà văn hóa	Có vị trí liên kề nhau; có quy mô từ 19% đến 55% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	137,1
	Tổ dân phố Số 09	305	1.254	33,8							
	Tổ dân phố Số 08	105	398	77,3							
	1/3 Tổ dân phố Số 04	111	525	9,7							
2	Tổ dân phố Số 07	260	1.088	41,9	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP số 07 + TDP số 06 + TDP số 05 để thành lập TDP QUÂN TOAN (Tên gọi gắn liền với Đường bộ, chính quyền phường Quán Toan cũ. Nơi đặt trụ sở phường cũ)	15.154	57.475	2.778,1	01 Nhà văn hóa phường cũ	Có vị trí liên kề nhau; quy mô từ 45% đến dưới 48% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	141,1
	Tổ dân phố Số 06	265	1.157	3,9							
	Tổ dân phố Số 05	251	1.093	1,5							
3	2/3 Tổ dân phố Số 04	220	1.050	8,3	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP số 01 + TDP số 2 + TDP số 3 + 2/3 TDP số 4 (tiếp giáp phía Nam TDP số 2 và số 3) để thành lập TDP HẢI TRIỆU (Tên gọi gắn liền với tuyến đường Hải Triều phía Đông của TDP)	15.154	57.475	2.778,1	0 Nhà văn hóa	Có vị trí liên kề nhau; có quy mô từ 42% đến 62% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	198,5
	Tổ dân phố Số 03	342	1.458	14,3							
	Tổ dân phố Số 02	295	1.289	6,9							
	Tổ dân phố Số 01	235	1.034	12,5							



[Faint, illegible text, likely bleed-through from the reverse side of the page.]

TT	Tên tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án, tên tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt đồng dân cư	Lý do đề nghị sắp xếp	Tỷ lệ % số hộ của TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
											12
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
	Tổ dân phố Ngô Hùng	459	1.603	99,4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Ngô Hùng + 2/3 TDP Ngô Yên + 1/3 TDP Lê Lác 2 (tiếp giáp phía Tây TDP Ngô Yên) để thành lập TDP MINH TÂN <i>(Tên gọi gắn liền với hợp tác xã Minh Tân mới là với tại Bến Kiên thuộc xã An Hồng cũ)</i>	855	3.059	157,2	02 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 72% đến dưới 83% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	155,5
4	2/3 TDP Ngô Yên	270	994	44,1							
	1/3 TDP Lê Lác 2	126	462	13,7							
	Tổ dân phố Phạm Dũng	342	1.291	94,4							
	Tổ dân phố Khánh Thịnh	371	1.352	208,3							
5	1/3 TDP Ngô Yên	130	497	31,2	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Phạm Dũng + TDP Khánh Thịnh + 1/3 TDP Ngô Yên (tiếp giáp phía Bắc TDP Phạm Dũng) + 20 hộ TDP Lê Lác 1 (tiếp giáp phía Tây TDP Phạm Dũng) để thành lập TDP SONG MAI <i>(Khu vực này trong lịch sử thuộc làng Song Mai, xã An Hồng cũ)</i>	863	3.201	335,6	02 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 62% đến dưới 67% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	156,9
	20 hộ dân TDP Lê Lác 1	20	61	1,7							
	Tổ dân phố Lê Lác 1	405	1.626	27,1							
6	2/3 TDP Lê Lác 2	250	924	30,6	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Lê Lác 1 + 2/3 TDP Lê Lác 2 (phần còn lại TDP Lê Lác 2 hiện trạng, ngăn cách bởi đường tỉnh 351) + TDP Thuận Ty để thành lập TDP AN HỒNG <i>(Tên gọi gắn liền với Đảng bộ, chính quyền xã, phường An Hồng cũ. Nơi đầu trụ sở xã, phường cũ)</i>	1.098	4.234	90,1	03 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 68% đến dưới 80% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	199,6
	Tổ dân phố Thuận Ty	443	1.684	32,4							
	Tổ dân phố Lê Sang	484	1.691	130,9	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Lê Sang + TDP Tất Xứng để thành lập TDP THÔNG NHẤT <i>(Tên gọi gắn liền với hợp tác xã nông nghiệp Thông Nhất thuộc xã An Hồng cũ)</i>	872	3.065	234,0	02 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 70% đến dưới 88% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	158,5
7	Tổ dân phố Tất Xứng	388	1.374	103,0							

Phương án sắp xếp, tổ chức lại											
TT	Tên tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án, tên tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt đồng dân cư	Lý do đề nghị sắp xếp	Tỷ lệ % số hộ của TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Tổ dân phố An Phong	305	1.077	24,4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP An Phong + TDP Đông Hải để thành lập TDP ĐÔNG TIẾN <i>(Tên gọi gắn liền với hợp tác xã nông nghiệp Đông Tiến thuộc xã An Hưng cũ)</i>	788	2.785	113,1	02 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 55% đến dưới 78% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	143,3
	Tổ dân phố Đông Hải	483	1.708	88,7							
9	Tổ dân phố Đoài	326	1.198	134,9	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Đoài + TDP Bắc + TDP Hà để thành lập TDP ĐÔNG THANH <i>(Tên gọi gắn liền với hợp tác xã nông nghiệp Đông Thanh thuộc xã An Hưng cũ)</i>	1.137	4.437	190,8	03 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 50% đến dưới 97% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	206,7
	Tổ dân phố Bắc	275	970	18,6							
	Tổ dân phố Hạ	536	2.269	37,3							
10	Tổ dân phố Thượng	289	1.094	11,8	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Thượng + TDP Nam Hòa để thành lập TDP AN HƯNG <i>(Tên gọi gắn liền với Đảng bộ, chính quyền xã, phường An Hưng cũ. Nơi đặt trụ sở xã, phường cũ)</i>	691	2.559	207,6	02 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 52% đến dưới 76% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	125,6
	Tổ dân phố Nam Hòa	402	1.465	195,9							
11	Tổ dân phố Nam Bình	275	991	23,0	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Nam Bình + TDP Thăng Lợi để thành lập TDP KHINH DAO <i>(Khu vực này trong lịch sử thuộc làng Kinh Dao, xã An Hưng cũ)</i>	779	2.838	92,4	02 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 50% đến dưới 91% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	141,6
	Tổ dân phố Thăng Lợi	504	1.847	69,4							

TT	Tên tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Lý do đề nghị sắp xếp	Tỷ lệ % số hộ của TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định	
					Phương án, tên tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt đồng dân cư			
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12	
12	Tổ dân phố Vụ Nông	714	2.637	87,4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Vụ Nông + TDP Xuyên Đông để thành lập TDP XUYỀN ĐÔNG (Tên gọi gắn liền với hợp tác xã nông nghiệp Xuyên Đông thuộc xã Đại Bản cũ)							222,9
	Tổ dân phố Xuyên Đông	512	1.878	132,3	1.226	4.515	219,7	01 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 93% đến trên 100% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân			
13	Tổ dân phố An Phú	430	1.306	14,4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP An Phú + TDP Tiên Nông để thành lập TDP AN TIÊN (TDP để xuất ghép từ tên TDP An Phú và Tiên Nông)							212,2
	Tổ dân phố Tiên Nông	737	2.951	86,4	1.167	4.257	100,8	02 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 78% đến trên 100% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân			
14	Tổ dân phố Lực Nông	495	1.961	96,4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Lực Nông + TDP Trại Kênh để thành lập TDP TIÊN PHONG (Tên gọi gắn liền với hợp tác xã nông nghiệp Tiên Phong thuộc xã Đại Bản cũ)							166,9
	Tổ dân phố Trại Kênh	423	1.534	135,9	918	3.495	232,3	01 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 76% đến dưới 90% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân			
15	Tổ dân phố Đại Đồng	402	1.369	25,3	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Đại Đồng + TDP Tân Thanh để thành lập TDP ĐẠI BẢN (Tên gọi gắn liền với Đảng bộ, chính quyền xã, phường Đại Bản cũ. Nơi đặt trụ sở xã, phường cũ)							192,9
	Tổ dân phố Tân Thanh	659	2.352	130,6	1.061	3.721	155,9	01 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 73% đến trên 100% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân			
16	Tổ dân phố Văn Tiến	542	1.982	161,4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại TDP Văn Tiến + TDP Lê Xá để thành lập 01 TDP DUYÊN HẢI (Tên gọi gắn liền với hợp tác xã nông nghiệp Duyên Hải thuộc xã Đại Bản cũ)							195,8
	Tổ dân phố Lê Xá	535	1.882	239,7	1.077	3.864	401,1	01 Nhà văn hóa	Có vị trí liền kề nhau; quy mô từ 98% đến dưới 99% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân			



PHỤ LỤC 5

**DANH SÁCH TÒ DÂN PHỐ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
NHUNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỎ CHỨC LẠI**
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô tổ dân phố						Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)		
1	Không có							





PHỤ LỤC 6A
Tổng hợp số lượng, quy mô tổ dân phố sau khi sắp xếp trên địa bàn phường Hồng An
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

TT	Tên phường	Số tổ dân phố hiện có	Số tổ dân phố tiến hành sắp xếp						Số tổ dân phố sau sắp xếp						Số lượng phường án sắp xếp			Số tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng thực hiện sắp xếp	Số tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa dời dư	Ghi chú
			Trong đó quy mô			Trong đó quy mô			Trong đó quy mô			Trong đó quy mô			Sắp xếp 02 TDP	Sắp xếp 03 TDP	Sắp xếp từ 04 TDP trở lên						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
			Dưới 50%	Từ 50% đến 70%	Từ 70% đến 100%	Từ 100% trở lên	Dưới 50%	Từ 50% đến 70%	Từ 70% đến 100%	Từ 100% trở lên	Dưới 50%	Từ 50% đến 70%	Từ 70% đến 100%	Từ 100% trở lên									
1	PHƯỜNG HỒNG AN	38	38	6	12	17	3	16	0	0	0	16	11	4	1	0	22	58	105	Không dời dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở TDP (Tổ phố TDP, Nông dân, Phụ nữ, CCB, Đoàn TN, Dân số, Tổ đội trưởng) Tổ dân bảo An ninh trật tự chưa dự kiến giảm		



Handwritten text in Burmese script, appearing as faint, light-colored ink. The text is arranged in several lines and is partially obscured by the stamp above it.

TT	Tên tổ dân phố	Thuộc phương án sắp xếp tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng đời dự sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	TDP Ngô Hùng	TDP MINH TÂN	2	2	0	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 để làm điểm sinh hoạt cộng đồng	
	2/3 TDP Ngô Yên												
	1/3 TDP Lê Lác 2												
5	1/3 TDP Ngô Yên	TDP SONG MAI	2	2	0	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	
	TDP Phạm Dũng												
	TDP Khánh Thịnh												
	20 hộ dân TDP Lê Lác 1												
6	TDP Lê Lác 1	TDP AN HỒNG	4	3	1	0	0	0	4	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 03 nhà văn hóa, 01 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao cộng đồng	
	2/3 TDP Lê Lác 2												
	TDP Thuận Ty												
7	TDP Lê Sáng	TDP THÔNG NHẤT	2	2	0	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	
	TDP Tất Xứng												

TT	Tên tổ dân phố	Thuộc phường án sắp xếp tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có				Số lượng đối dư sau sắp xếp				Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú			
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14					
8	TDP An Phong	TDP ĐỒNG TIẾN	2	2	0	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng						
	TDP Đông Hải																	
9	TDP Đoài	TDP ĐÔNG THANH	3	3	0	0	0	0	3	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 03 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng						
	TDP Bắc																	
	TDP Hạ																	
10	TDP Thượng	TDP AN HƯNG	3	2	1	0	0	0	3	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa, 01 khu thể thao để làm điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao cộng đồng						
	TDP Nam Hòa																	
11	TDP Nam Bình	TDP KHINH DAO	2	2	0	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng						
	TDP Thăng Lợi																	
	TDP Vũ Nông																	
12	TDP Xuyên Đông	TDP XUYẾN ĐÔNG	1	1	0	0	0	0	1	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa để làm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng						
	TDP An Phú																	
13		TDP AN TIẾN	2	2	0	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm						

